

## **QUY ĐỊNH**

### **Chuẩn đầu ra ngoại ngữ cho sinh viên trình độ cao đẳng, đại học hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Quảng Nam**

*(Kèm theo Quyết định số 25/QĐ-ĐHQN ngày 08 tháng 01 năm 2019  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Quảng Nam)*

#### **Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng**

1. Văn bản này quy định về ngoại ngữ thứ nhất, ngoại ngữ thứ hai; tổ chức kiểm tra đánh giá, phân loại trình độ ngoại ngữ của sinh viên; tổ chức lớp học ngoại ngữ chính khóa, tổ chức lớp học ngoại ngữ ngoại khóa; điều kiện miễn học, miễn thi và kiểm tra chuẩn đầu ra ngoại ngữ trước khi tốt nghiệp đối với sinh viên thuộc hệ cao đẳng, đại học chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Quảng Nam.

2. Xác định nội dung, phương pháp tổ chức đào tạo ngoại ngữ và trách nhiệm của các đơn vị và cá nhân có liên quan trong việc tổ chức, quản lý quá trình đào tạo ngoại ngữ đạt chuẩn đầu ra.

3. Đối với sinh viên, học viên hệ vừa làm vừa học, liên thông chính quy nhà trường ban hành quy định riêng để bảo đảm đạt Chuẩn đầu ra ngoại ngữ của từng chương trình.

#### **Điều 2. Những quy định chung**

1. Ngoại ngữ thứ nhất (NNTN) được đào tạo tại trường Đại học Quảng Nam là Tiếng Anh. NNTN là môn học bắt buộc đối với sinh viên các ngành đào tạo không chuyên ngữ.

2. Ngoại ngữ thứ hai (NNTH) là Tiếng Pháp, Tiếng Trung hoặc một ngoại ngữ khác. NNTH là môn học bắt buộc đối với sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh.

3. Ngoài những ngoại ngữ được quy định ở khoản 1, 2 Điều này, lưu học sinh có thể lựa chọn Tiếng Việt làm NNTN.

#### **Điều 3. Chuẩn đầu ra ngoại ngữ**

1. Đối với sinh viên trình độ đại học khóa tuyển sinh năm 2015 trở về sau, để được công nhận tốt nghiệp phải đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ trình độ Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

2. Đối với sinh viên trình độ cao đẳng khóa tuyển sinh năm 2016 trở về sau, để được công nhận tốt nghiệp phải đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ trình độ Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

### 3. Quy đổi chuẩn trình độ ngoại ngữ Tiếng Anh

Khung tham chiếu CEFR	Chứng chỉ Tiếng Anh thực hành	IELTS	TOEIC	TOEFL PBT	TOEFL CBT	TOEFL IBT	Cambridge Tests	Chuẩn 6 bậc VN
A1	A	< 3.0	< 400	< 340	< 96	< 31	45- 69 KET	1
A2	B	3.5 3.0	400	340	96	31	45 - 64 PET 70 - 89 KET	2
B1	C	4.5 4.0	450	477 450	153 126	53 42	45 - 59 FCE 65 - 79 PET 90 - 100 KET	3
B2	/	5.5 5.0	600-	527 480	197 173	71 61	60 -79 FCE 80 - 100 PET	4
C1	/	7.0 6.0	850	577 540	236 213	95 80	60 -79 CAE 80 - 100 FCE	5
C2	/	7.5+	910+	600+	250+	100+	45 - 59 CPE 80 - 100 CAE	6

4. Nội dung thi chuẩn đầu ra ngoại ngữ tại Trường Đại học Quảng Nam thực hiện theo các yêu cầu về trình độ như quy định được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

#### **Điều 4. Tổ chức kiểm tra trình độ ngoại ngữ**

1. Sau khi sinh viên nhập học, nhà trường sẽ thành lập Hội đồng tổ chức kiểm tra trình độ Tiếng Anh đối với sinh viên.

2. Kết quả kiểm tra trình độ Tiếng Anh được sử dụng làm căn cứ để nhà trường phân loại, bố trí lớp học ngoại ngữ. Những sinh viên sau không phải dự kiểm tra:

a. Sinh viên đã có các chứng chỉ Tiếng Anh Quốc tế nêu trong **Bảng 1** còn hiệu lực hoặc các chứng chỉ quốc tế tương đương khác còn hiệu lực;

b. Sinh viên có bằng Cử nhân Cao đẳng Tiếng Anh hoặc Cử nhân Đại học Ngôn ngữ Anh;

c. Sinh viên đã tốt nghiệp đại học, sau đại học đối với chương trình học bằng Tiếng Anh không quá 24 tháng.

3. Sinh viên sau khi kiểm tra trình độ Tiếng Anh được phân loại thành hai nhóm như sau:

Nhóm 1: Sinh viên có kết quả kiểm tra trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 1 trong Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Nhóm 2: Sinh viên có kết quả kiểm tra trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 2 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Các sinh viên chuyên ngữ không phải tham gia kiểm tra trình độ Tiếng Anh.

#### **Điều 5. Tổ chức đào tạo ngoại ngữ chính khoá**

1. Đối với sinh viên không chuyên ngữ: Ngoại ngữ chính khoá gồm 3 học phần Tiếng Anh 1, Tiếng Anh 2, Tiếng Anh 3 với tổng thời gian đào tạo là 105 tiết và Ngoại ngữ chuyên ngành 45 tiết.

2. Đối với sinh viên chuyên ngữ: Ngoại ngữ chính khoá gồm 3 học phần Ngoại ngữ 1, Ngoại ngữ 2, Ngoại ngữ 3 với tổng thời gian đào tạo là 105 tiết.

3. Căn cứ vào kết quả kiểm tra trình độ Tiếng Anh, các sinh viên thuộc nhóm 1 sẽ được xếp vào các lớp học ở cấp độ 1. Nội dung và thời lượng Tiếng Anh 1, Tiếng Anh 2, Tiếng Anh 3 ở cấp độ 1 nhằm trang bị kiến thức và kỹ năng cho sinh viên đạt trình độ Bậc 2 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Các sinh viên thuộc nhóm 2 sẽ được xếp vào các lớp ngoại ngữ cấp độ 2, ở cấp độ này sinh viên sẽ được trang bị kiến thức và kỹ năng đạt trình độ tương đương bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

4. Đối với các lớp chuyên ngữ, nhà trường chỉ tổ chức đào tạo ngoại ngữ thứ 2 ở cùng một cấp độ. Nội dung và thời lượng Ngoại ngữ 1, Ngoại ngữ 2, Ngoại ngữ 3 nhằm trang bị cho sinh viên chuyên ngữ đạt trình độ ngoại ngữ thứ 2 ở cấp độ tương đương bậc 3 theo Khung năng lực 6 bậc dùng cho Việt nam.

5. Thời gian học ngoại ngữ chính khoá được xếp trong thời khoá biểu để sinh viên đăng ký như các học phần khác.

6. Khoa Ngoại ngữ phối hợp cùng các khoa chuyên ngành để thống nhất về nội dung, phương pháp và tổ chức giảng dạy 45 tiết của học phần Ngoại ngữ chuyên ngành; khuyến khích các khoa trực tiếp tham gia giảng dạy học phần Ngoại ngữ chuyên ngành.

## **Điều 6. Tổ chức đào tạo Ngoại ngữ ngoại khoá**

1. Đối với sinh viên không chuyên ngữ, ngoại ngữ ngoại khoá gồm có hai học phần như sau:

- Đối với sinh viên nhóm 1: học phần Tiếng Anh 4 với thời gian đào tạo 75 giờ.
- Đối với sinh viên nhóm 2: học phần Tiếng Anh 5 với thời gian đào tạo 30 giờ.

2. Việc tổ chức các lớp ngoại ngữ ngoại khoá nhằm mục đích tạo thuận lợi cho người học ở trình độ thấp hơn nhanh chóng bắt kịp với lộ trình học tập hướng tới đạt chuẩn đầu ra. Nội dung và thời lượng của các học phần ngoại khoá Tiếng Anh 4, Tiếng Anh 5 nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng cho sinh viên đã có trình độ bậc 2 đạt được trình độ bậc 3 và cho sinh viên đã có trình độ tương đương bậc 3 đạt được trình độ bậc 4 theo Khung ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

3. Đối với sinh viên chuyên ngữ, ngoại ngữ thứ hai (ngoại khoá) có 01 học phần Ngoại ngữ 4 với thời lượng 45 giờ. Nội dung và thời lượng của các học phần ngoại khoá Ngoại ngữ 4 nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng cho sinh viên đã đạt trình độ bậc 3 theo Khung năng lực 6 bậc dùng cho Việt nam.

4. Thời gian học các học phần ngoại ngữ ngoại khoá được bố trí vào các buổi tối, hoặc thứ bảy và chủ nhật.

5. Việc học chương trình ngoại ngữ ngoại khoá do sinh viên tự sắp xếp.

6. Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học tổ chức giảng dạy các lớp ngoại khoá cho sinh viên theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều này.

## **Điều 7. Miễn học, miễn thi học phần Ngoại ngữ**

1. Đối với sinh viên không chuyên ngữ: Nhà trường xem xét miễn học, miễn thi và chuyển đổi điểm cho sinh viên có chứng chỉ ngoại ngữ theo chuẩn quốc tế (IELTS, TOIEC, TOEFL ...) còn hiệu lực (tính đến ngày mà sinh viên nộp đơn đề nghị miễn học, miễn thi), sinh viên có bằng Cử nhân Cao đẳng Tiếng Anh được xem như có trình độ Tiếng Anh ở bậc 4, Cử nhân Đại học Ngôn ngữ Anh được xem như có trình độ Tiếng Anh ở bậc 5 và sinh viên đã tốt nghiệp đại học, sau đại học đối với chương trình học bằng Tiếng Anh không quá 24 tháng được coi như có trình độ Tiếng Anh ở bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo các mức như sau:

**Bảng 1: Mức điểm quy đổi khi xét miễn học, miễn thi học phần Tiếng Anh**

<b>Khung NLNN 6 bậc Việt Nam</b>	<b>Khung CEFR (*)</b>	<b>Học phần Tiếng Anh 1</b>	<b>Học phần Tiếng Anh 2</b>	<b>Học phần Tiếng Anh 3</b>
2	A2	Không được miễn	Không được miễn	Không được miễn
3	B1	Miễn học, miễn thi và chuyển đổi điểm	Miễn học, miễn thi và chuyển đổi điểm học	Không được miễn

		học phần 8 điểm	phần 7 điểm	
4	B2	Miễn học, miễn thi và chuyển điểm học phần 9 điểm	Miễn học, miễn thi và chuyển điểm học phần 9 điểm	Miễn học, miễn thi và chuyển điểm học phần 8 điểm
5	C1	Miễn học, miễn thi và chuyển điểm học phần 10 điểm	Miễn học, miễn thi và chuyển điểm học phần 10 điểm	Miễn học, miễn thi và chuyển điểm học phần 9 điểm
6	C2	Miễn học, miễn thi và chuyển điểm học phần 10 điểm	Miễn học, miễn thi và chuyển điểm học phần 10 điểm	Miễn học, miễn thi và chuyển điểm học phần 10 điểm

(\* : Khung tham chiếu ngoại ngữ Châu Âu, khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam)

2. Trong quá trình học tập, nếu sinh viên có các chứng chỉ quốc tế đạt trình độ tương đương với học phần ngoại ngữ đang học thì làm đơn gửi phòng Đào tạo đề nghị công nhận. Hiệu trưởng ra Quyết định việc miễn học, miễn thi và chuyển đổi điểm.

3. Việc miễn học, miễn thi không áp dụng cho các học phần ngoại ngữ chuyên ngành (nếu có).

4. Những sinh viên được miễn học và miễn thi phải hoàn thành nghĩa vụ học phí đầy đủ như các sinh viên không được miễn học và hoàn thành các thủ tục khác theo quy định.

#### **Điều 8. Kiểm tra chuẩn đầu ra ngoại ngữ trước khi tốt nghiệp**

1. Nhà trường thành lập Hội đồng kiểm tra trình độ ngoại ngữ đối với sinh viên theo Chuẩn đầu ra ngoại ngữ và cấp chứng chỉ cho sinh viên khi đạt chuẩn đầu ra như **Điều 3** trong Quy định này.

2. Nhà trường giao Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học xây dựng kế hoạch kiểm tra Chuẩn đầu ra ngoại ngữ phù hợp với kế hoạch đào tạo của nhà trường.

3. Đề thi kiểm tra Chuẩn đầu ra ngoại ngữ được thực hiện theo các yêu cầu về trình độ như quy định được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Sinh viên đạt từ 5.0 điểm trở lên và điểm mỗi phần thi không dưới 3.0 điểm trong kỳ kiểm tra chuẩn đầu ra được đánh giá đạt chuẩn đầu ra Ngoại ngữ.

5. Kết quả kiểm tra chuẩn đầu ra ngoại ngữ có hiệu lực để xét đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ trong vòng 24 tháng.

6. Những sinh viên có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế còn hiệu lực (tính đến thời điểm xét tốt nghiệp) với kết quả hoặc trình độ tương đương hoặc cao hơn so với chuẩn đầu ra được miễn kiểm tra chuẩn đầu ra về ngoại ngữ trước khi tốt nghiệp.

7. Các trường hợp đặc biệt khác do Hiệu trưởng quyết định.

### **Điều 9. Quy trình thủ tục xin miễn thi, miễn học**

Sinh viên thỏa mãn các điều kiện về miễn học, miễn thi được quy định tại khoản 1, Điều 7 của Quy định này nộp đơn (theo mẫu) và bản photo công chứng các chứng chỉ ngoại ngữ về Phòng Đào tạo để được xem xét giải quyết.

### **Điều 10. Tổ chức thực hiện**

1. Các khoa, tổ chuyên môn phổ biến Quy định này đến toàn thể giảng viên, sinh viên của nhà trường.

2. Các phòng chức năng, khoa chuyên môn, trung tâm NN-TH và sinh viên trình độ cao đẳng, đại học hệ chính quy triển khai thực hiện Quy định này.

3. Lãnh đạo nhà trường, lãnh đạo các phòng, khoa tăng cường kiểm tra việc thực hiện các quy định trong việc giảng dạy, học tập, kiểm tra, thi chuẩn đầu ra ngoại ngữ cho sinh viên trình độ cao đẳng, đại học hệ chính quy của nhà trường.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề nảy sinh, các đơn vị phản ánh với nhà trường thông qua phòng Đào tạo để trình Hiệu trưởng nhà trường xem xét quyết định./.

**HIỆU TRƯỞNG**

**(Đã ký)**

**PGS.TS. Huỳnh Trọng Dương**

## CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**ĐƠN ĐỀ NGHỊ****ĐƯỢC MIỄN HỌC- MIỄN THI VÀ CHUYÊN ĐIỂM HỌC PHẦN NGOẠI NGỮ**

**Kính gửi: - Ban Giám hiệu trường Đại học Quảng Nam;  
- Phòng Đào tạo.**

Tôi tên:.....Ngày sinh:.....Lớp:.....

Chuyên ngành.....Ngành học:.....Khóa:.....

Mã sinh viên:.....Điện thoại.....

Căn cứ quy chế hiện hành của Bộ GD&ĐT; Căn cứ vào Quy định chuẩn đầu ra ngoại ngữ cho sinh viên trình độ cao đẳng, đại học hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Quảng Nam ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHQN ngày tháng 01 năm 2019 của Hiệu trưởng trường Đại học Quảng Nam, tôi làm đơn này đề nghị được miễn học, miễn thi và chuyên điểm học phần (*Ghi rõ từng học phần, ví dụ Tiếng Anh 1, Tiếng Anh 2, Tiếng Anh 3*):

1./.....

2./.....

3./.....

**Hồ sơ gửi kèm:**

1- Bằng tốt nghiệp Đại học, Cao đẳng ngành ..... (bản sao có công chứng, và xuất trình bản gốc để đối chiếu).

\* Trường.....Năm cấp:.....Nơi cấp:.....

2- Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế còn hiệu lực: (bản sao có công chứng, và xuất trình bản gốc để đối chiếu).

Tên chứng chỉ..... Kết quả.....

Em xin cam kết thực hiện đúng các quy định của Trường về việc miễn học, miễn thi và chuyên đổi điểm học phần.

Xin trân trọng cảm ơn!

Quảng Nam, ngày..... tháng.....năm 20

**NGƯỜI LÀM ĐƠN**

(ký và ghi rõ họ tên)